

SỬ DỤNG ÂM THANH TRONG ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI THÁI Ở MIỀN TÂY THANH HÓA

VŨ TRƯỜNG GIANG

Truyền đạt thông tin bằng cách sử dụng các công cụ âm thanh là một nhu cầu quan trọng của mỗi cá nhân, cộng đồng và xã hội. Thông qua đó, con người tiếp nhận, trao đổi thông tin góp phần duy trì và điều hành các mối quan hệ xã hội.

Trong bài viết này, chúng tôi đề cập đến một số hình thức sử dụng tín hiệu âm thanh của người Thái ở miền Tây Thanh Hóa.

1. Khua *luống* (quanh loóng)

Trong cuộc sống của người Thái, *luống* hình thuyền nguyên thân gỗ có hai chức năng: thứ nhất, là một cối giã gạo; thứ hai, là một loại nhạc cụ. Có thể nói rằng *luống* là một dạng thức vừa là nhạc cụ vừa là công cụ lao động khá điển hình. Do vậy, *luống* không thể thiếu được trong cuộc sống hàng ngày và sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Theo nhiều nhà nghiên cứu âm nhạc và văn hóa⁽¹⁾, *luống* (hay *đuống* của người Mường) là một loại nhạc cụ ra đời từ rất sớm, ít ra là cùng thời với trống đồng.

Về mặt cấu tạo, gỗ làm *luống* thường là các loại gỗ như xâng, rú, gội... vì làm bằng những loại gỗ này thì *luống* bền và khi gõ âm vang lớn. Thông thường, người Thái chặt gỗ và làm *luống* ở trong rừng (gọt đẽo những phần không cần thiết để trâu kéo cho nhẹ), sau đó mới đưa về nhà. Về kích thước của *luống*, xin lấy chiếc *luống* nhà ông Hoàng Văn Nhân - xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa làm ví dụ. Đoạn gỗ làm *luống* có chiều dài khoảng 2,2 - 2,5 mét, đường kính 60 - 70 cm được đẽo bỏ 1/3 thân, 2/3 thân còn lại

nhìn cắt ngang sẽ có hình bán nguyệt. Phần cắt mặt phẳng phía trên của *luống* dùng để đục lòng máng; phía dưới được vạt ở hai đầu nên nhìn xa trông giống một chiếc thuyền độc mộc. Máng *luống* được đục là một hình khối chữ nhật có chiều dài 120 cm, chiều rộng 35 cm, chiều sâu 20 cm và được đục lệch về một đầu của *luống* (phần ngọn của cây gỗ). Dưới lòng máng *luống*, ở phía hai đầu lòng máng còn đục hai lỗ tròn có đường kính 10 cm, sâu 10 cm

Một điều tối kỵ là không được làm *luống* trùng với năm làm nhà. Có thể làm *luống* trước, rồi sau mới làm nhà. Nếu trong năm đó làm nhà mà không có *luống* hoặc *luống* hỏng thì đi giã nhờ gạo hay xin *luống* cũ về dùng, chờ năm sau mới làm. Đồng bào quan niệm rằng *luống* cũng giống như quan tài của người chết nên phải tránh làm nhà trùng năm với làm *luống*. Nếu không thì gia chủ sẽ gặp nhiều rủi ro trong cuộc sống cũng như trong sản xuất.

Luống thường được kê ở vị trí dưới gầm sàn gần phía cầu thang bếp để giã gạo (nhà sàn Thái có 2 cầu thang: cầu thang chính dành cho đàn ông và khách, cầu thang bếp thường dành cho đàn bà lên xuống và tiện bề nội trợ...). Về tác dụng giã gạo, lòng *luống* dùng để tách hạt thóc ra khỏi bông (người Thái gặt lúa để nguyên cả bông rồi phơi hoặc hong trên gác bếp), còn 2 lỗ tròn là nơi giã thóc thành gạo. Ngoài *luống* còn có chày giã gạo (*xạc tầm khau*) được làm bằng các loại gỗ cứng, dai, bền như gỗ ô rô, để khi giã

gạo sẽ trắng và lúc khua *luống*, âm sẽ trầm và vang xa. Chày là một đoạn gỗ tròn dài khoảng 1 - 1,4 mét, đường kính 6 - 7 cm; đoạn giữa của chày được tiện gọt khoảng 10 cm, đường kính còn lại 3 - 4 cm, chia chày làm hai đoạn bằng nhau, đoạn tiện này dùng làm tay cầm.

Cách tạo âm thông thường ở *luống* là dùng chày giã vào lòng *luống*. Đôi khi người ta lại dùng chày đập vào thành *luống* hoặc lấy 2 chày khua vào nhau. Mỗi cách làm như vậy sẽ đem lại một âm thanh khác nhau. Khi gõ chày vào thành *luống* sẽ tạo ra âm thanh sắc, gọn; gõ vào lòng *luống* tạo ra âm thanh ấm, chắc; gõ 2 đầu chày vào nhau theo từng cặp đôi tạo ra âm sắc, gọn.... Vì vậy, khi dùng để tạo âm thanh thì *luống* có âm lượng lớn, tiết tấu nhanh, mạnh, dồn dập và âm truyền đi rất xa. *Luống* bao giờ cũng được tổ chức thành hai bè tiết tấu: bè “cái” và bè “con”. Người làm “cái” là người “cầm chịch”, điều khiển việc thay đổi tiết tấu của *luống*. Những người làm “con” thường được tổ chức thành từng đôi, mỗi *luống* có từ 1 đến 4 đôi “con”. Họ thực hiện một bè tiết tấu và chịu sự chi phối của người làm “cái”. Bè của người làm “cái” và những người làm “con” bao giờ cũng kết hợp với nhau, tạo thành một tiết tấu phong phú, phức tạp. Hòa tấu *luống* có thể dùng một hay nhiều *luống* là tùy thuộc vào tính chất của sự kiện của bản hay mừng.

1.1. Khua *luống* trong đám cưới

Thông thường, trong đám cưới của người Thái ở miền núi Thanh Hóa có hai điệu khua *luống*: khua *luống* đón dâu và khua *luống* đón thông gia (*khe mọng*).

Khi đón dâu về nhà trai, người ta tổ chức khua *luống* gọi là “quanh loóng ton

pớ”. Số người tham gia phải là số chẵn (có đôi), có thể là 6 hoặc 8 hay 10 người và người nhà, họ hàng, bạn bè đều có thể dự cuộc. Trong lúc khua *luống* đón dâu có thể kết hợp để giã gạo. Điệu khua *luống* này như sau: nếu là 8 người thì có 2 người làm “cái” đứng ở đầu *luống* và 6 người làm “con” đứng ở 2 bên (mỗi bên 3 người).

- Nhịp thứ nhất: 2 người làm “cái” dùng đầu chày thúc vào mặt trên của *luống*; 6 người làm “con” dùng đầu chày thúc vào lòng *luống* (2 lần).

- Nhịp thứ hai: 2 người làm “cái” vẫn thúc đầu chày xuống mặt trên của *luống*, 4 người làm “con” đứng giữa khua đầu chày vào nhau (1 lần), 2 người làm “con” ở cuối khua đầu chày vào thành *luống* (1 lần).

Khi nhà trai đến nhà gái hoặc nhà gái đến nhà trai thì hai bên gia đình đều khua *luống* chào nhau gọi là khua *luống* đón thông gia (*quanh loóng ton đơng*). Điệu khua này giống như điệu khua “quanh loóng ton pớ”. Trong lúc khua *luống* có thể kết hợp giã gạo nhưng số người tham gia không bắt buộc phải chẵn.

1.2. Khua *luống* trong các ngày vui khác

Trong ngày Tết hoặc lễ mừng nhà mới, cơm mới..., điệu khua *luống* giống như điệu khua trong *quanh loóng ton đơng*. Ở một số vùng còn có tục giã cối trong lễ mừng cơm mới rất vui nhộn. Vào trước ngày gia đình tiến hành lễ cúng cơm mới, trai gái thường tập trung và cùng đua tài: trai thì thổi kèn, “khấp”..., gái thì giã cối. Hai bên *luống* là 8 hay 10 cô gái, mỗi cô cầm một chiếc chày, mỗi lần giã phải nhấc chày lên thật nhanh và gõ chày vào thành *luống* cho cối dính ở đầu chày rơi xuống

lòng *luống* mà không vãi ra ngoài. Cốm non càng giã càng dính nên nhịp chày giã - gõ càng về sau càng nhanh, mạnh. Trong số các cô gái giã cốm, một cô được chọn làm “cái” không giã mà chỉ gõ chày vào *luống* làm nhịp cho các cô gái làm “con” giã cho cốm đều. Nhịp chày “cái” hòa với nhịp giã cốm gõ *luống* của các cô gái tạo thành một tiết tấu nhạc nghe rất rộn rã.

1.3. *Khua luống trong đám ma*

Khua *luống* trong đám ma chỉ có ở người “Tày Dọ”, còn những người tự nhận là “Tày” không có tập quán này. Khi gia đình có người chết thì 6 người xuống gầm sàn khua một hồi *luống* dài báo hiệu cho họ hàng và bà con dân bản biết. Điệu khua *luống* này được tiến hành như sau: 6 người đứng 2 bên thành *luống*, mỗi bên 3 người, không có người đứng ở đầu làm “cái”. Những người này chỉ được khua ở lòng *luống* theo nhịp: 2 lần thúc đầu chày xuống lòng *luống*, 1 lần đập đầu chày vào thành *luống*; đầu chày không được đập vào nhau; không được kết hợp giã gạo mà chỉ khua “suông”. Trong quá trình làm ma, khi thấy mo mời hồn người chết ăn hoặc khi thấy mo “đưa” hồn người chết đến “cổng trời” đều phải khua *luống* để hồn nhớ.

1.4. *Khua luống trong các trường hợp khác*

Ở vùng Hồi Xuân (huyện Quan Hóa) có tập tục khi nguyệt thực thì dân làng cũng khua *luống*. Đồng bào cho rằng: do ếch ăn trăng nên phải khua *luống* đuổi ếch để “cứu” mặt trăng. Người Thái vùng này có câu: “*Cộp kìn bươn, mé hườn quanh loống*” (Ếch ăn trăng, gái có chồng cũng khua *luống*).

Truyền thuyết của người Thái kể lại rằng ngày xưa, ngày xưa có hai vợ chồng nhà nọ có một đôi đũa thần cứu người. Một lần nọ họ cứu được một con ếch biết nói và ếch đã ở lại với họ. Vào một đêm trăng sáng hai vợ chồng ra ngoài “chồ” ngồi ngắm trăng và người chồng đã cho vợ xem đôi đũa thần. Bấy giờ trời còn thấp lắm, giã gạo còn vướng chày, chặt cây còn vướng rìu. Do vậy, mặt trăng đã sà xuống và giạt lấy đôi đũa thần từ tay người vợ rồi bay lên trời. Ếch xin lên đánh nhau với mặt trăng để lấy lại đôi đũa thần cho chủ. Ếch và mặt trăng đánh nhau quyết liệt, người dưới mặt đất hò reo vang dậy để khích lệ, cổ vũ cho ếch. Một tuần trăng, rồi hai tuần trăng mà cuộc giao tranh vẫn không phân thắng bại. Mọi người lấy chày giã gạo đâm vào bụng trời nhưng không ngờ trời bị đẩy lên cao và cả ếch cũng bị đẩy lên theo. Bị đẩy lên cao, không có người trợ giúp nhưng ếch vẫn không nản chí, tiếp tục đánh nhau với mặt trăng. Biết không thể thắng nhanh được, ếch luyện cách ngậm hơi dưỡng sức, cứ có dịp là xông vào cắn mặt trăng. Mỗi khi có nguyệt thực chính là lúc ếch đang đánh nhau với mặt trăng. Về sau, ở các bản Thái hễ thấy mặt trăng bị khuyết, mọi người đều kéo nhau xuống dưới sàn khua *luống*, gõ mõ, đánh thanh la, chiêng trống.

2. *Đánh trống, chiêng (ha công công)*

Trống, chiêng của người Thái được giữ gìn như vật thiêng liêng của bản, mường; trong bất cứ tình huống nào cũng phải được bảo vệ đến cùng, không được để rơi vào tay kẻ thù (trong chiến tranh), không được để mất, hỏng, cháy... (trong thiên tai). Trống chiêng là hồn của bản, mường; bảo vệ trống chiêng chính là bảo vệ linh hồn ấy.

Việc chế tác trống có phần đơn giản hơn chế tác chiêng. Tang trống được làm bằng thân cây gỗ *xăng* (trắng hoặc đỏ) được khoét rỗng, không ghép nối; khi đục đẽo xong không sơn mà cạo nhẵn. Lúc hạ cây gỗ làm tang trống người ta phải làm lễ tế thần rất trọng thể. Da để bịt mặt trống là da trâu mộng được giết sau khi làm lễ tế thần. Dùi trống được chế tác bằng loại gỗ xộp, mềm nhưng dẻo. Người Thái gọi loại gỗ này là *mạy tin pết* (cây chân vịt). Thông thường, trống có chiều dài khoảng 40 - 50 cm, đường kính khoảng 30 - 40 cm, khi gõ tiếng nghe đục và vang gần.

Việc chế tác chiêng khá kỳ công, đòi hỏi một trình độ kỹ thuật khá cao. Chiêng được làm bằng đồng đỏ hoặc đồng thau pha ít. Nơi chế tác chiêng thường kín đáo, ít người qua lại. Cũng như trống, trước khi chế tác chiêng, đồng bào cũng làm lễ tế thần linh của bản, mừng về chứng giám và phù hộ. Trong các công đoạn chế tác chiêng, người ta chú trọng nhất là rỗ chiêng vì đây là bộ phận có ảnh hưởng lớn nhất tới chất lượng âm thanh. Một chiếc chiêng hoàn chỉnh sau khi chế tác, nhìn tựa chiếc nón quai thao.

Trống chiêng chế tạo xong được làm lễ cúng nghiêm trang và cất giữ trên giá treo ở gian khách hoặc gian thờ ma nhà. Nó chỉ được đem dùng khi cúng ma bản, ma mừng, trong đám cưới, đám ma... Nếu như không có việc gì mà muốn lấy trống chiêng thì phải có lễ vật cúng ma để xin phép. Người Thái quan niệm nếu nổi trống, chiêng không đúng lúc sẽ chạm tới hồn bản, hồn mừng; tiếng vang của trống chiêng báo hiệu cho các đấng linh thiêng về với cộng đồng trong các dịp lễ, tết...

Bộ chiêng của người Thái ở miền núi Thanh Hóa có 4 chiếc nhưng kích cỡ

không đều nhau. Số liệu dưới đây chúm tôi đo bộ chiêng của gia đình ông Cẩm E Tuân (xã Xuân Lạ, huyện Thường Xuân):

Chiếc thứ nhất (xếp theo thứ tự trên trên dàn) to nhất, có đường kính mặt trước 45 cm, thành cao 7 cm nhưng hõm khum vào phía trong nên đường kính mặt sau của chiêng chỉ còn 42 cm. Mặt trước có núm (hay rỗ) lồi lên ở chính giữa (khi đánh người ta gõ vào núm này). Núm có đường kính đáy 10 cm, cao 5 cm (tính từ mặt trước). Chiếc chiêng thứ nhất khi gõ có âm to, trầm và rung; dân gian gọi tiếng vọng của nó là *cùng*.

Chiếc thứ hai có đường kính mặt trước 42 cm, thành cao 6 cm; đường kính mặt sau 39 cm; núm có đường kính 10,5 cm và cao 4 cm. Chiếc chiêng này khi gõ có âm to, ngắn; dân gian gọi tiếng vọng của nó là *kinh*.

Chiếc thứ ba có đường kính mặt trước 36 cm, thành cao 5,5 cm; đường kính mặt sau 34 cm; núm có đường kính 9 cm và cao 3,5 cm. Chiếc chiêng này khi gõ có âm thanh, dài; dân gian gọi tiếng vọng của nó là *coong*.

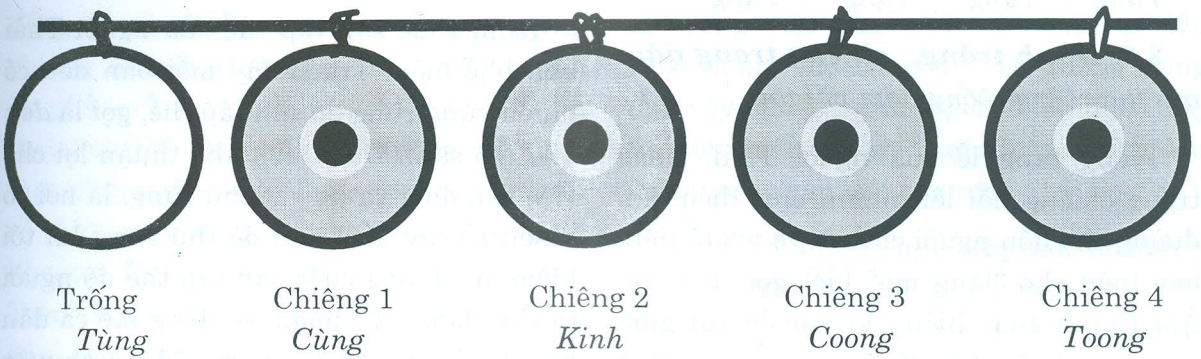
Chiếc thứ tư có đường kính mặt trước 32 cm, thành cao 5 cm; mặt sau có đường kính 30,5 cm; núm có đường kính 8,5 cm và cao 3 cm. Chiếc chiêng này khi gõ có âm thanh, ngắn; dân gian gọi tiếng vọng của nó là *toong*.

Dùi đánh chiêng được làm bằng các loại gỗ nhẹ, dai. Dùi dài khoảng 30 cm, đầu gậy được quấn và bọc vải với chiều dài khoảng 8 cm, đường kính 5 cm. Một số nơi lại bọc khô phần da của cà dê để bọc vì loại da này bền, khi gõ giữ đúng âm của chiêng và vang xa.

2.1 Đánh trống chiêng trong đám cưới (hà công công đảm đòng)

Trong đám cưới của người Thái, đồng bào sử dụng đủ bộ nhạc gõ, gồm 1 trống và 4 chiêng. Khi chơi, chỉ có 2 người: người thứ nhất phụ trách trống và người thứ hai phụ trách chiêng (người chơi trống 2 tay cầm 2 dùi, người chơi chiêng cầm 1 dùi).

Sơ đồ bộ trống chiêng và nhịp gõ



Thứ tự gõ chiêng: 1 — 3 — 2 — 4

Chuỗi âm thanh: Cùg - Coong - Kinh - Toong - Cùg - Coong - Kinh - Toong Tùng - Tùng - Tùng - Tùng

Tiếng trống và tiếng chiêng tạo ra một âm hưởng rộn ràng, vui tươi, sinh động và lôi cuốn mọi người vào cuộc vui. Người đánh trống có lối nhún nhảy say sưa, người đánh chiêng uyển chuyển, nhịp nhàng nên nhìn cả hai người này ngộ nghĩnh, tinh nghịch, khiến mọi xem và người chơi hưng phấn.

Trong đám cưới, khi đi đón dâu thì bạn của chú rể đem theo một chiếc chiêng (chiếc thứ 4 - âm toong) với mục đích “tập hợp quân”, cổ động và tạo không khí vui nhộn trên đường đi. Họ chọn chiếc chiêng thứ 4 vì âm của nó thanh, ngắn; kích thước nhỏ nên gọn, nhẹ. Người phụ trách chiêng đi ở đầu hoặc giữa đoàn người, cứ 3 - 5 phút lại gõ một lần 3 tiếng thông thả.

Trong lần gõ đầu tiên, người phụ trách chiêng gõ lần lượt cả 4 chiếc chiêng theo thứ tự chiếc thứ nhất, chiếc thứ ba, chiếc thứ hai, chiếc thứ tư. Đến lần gõ chiêng sau (cũng theo thứ tự như trên) thì người phụ trách trống mới gõ cùng nhịp, nhưng chỉ gõ dùi lên mặt trống, không được gõ dùi lên tang trống (xem sơ đồ).

Khi đến gần nhà gái, tiếng chiêng có tác dụng báo cho nhà gái biết để chuẩn bị đón con rể; cô dâu biết để chuẩn bị về nhà chồng. Lúc đoàn đón dâu rời nhà gái thì đánh 1 hồi 3 tiếng chiêng để “tập hợp quân” và báo cho mọi người biết để chuẩn bị đưa dâu về nhà chồng. Dọc đường đi lại gõ một lần 3 tiếng thông thả để tăng thêm phần vui vẻ và khi đến gần nhà trai có tác dụng báo cho nhà trai biết để chuẩn bị đón con dâu. Lúc này đội khua *luống* tấu lên những điệu vui nhộn, rộn dập để đón chào. Mẹ chồng ra đón con dâu, dẫn con dâu đi 3 vòng quanh cột “xau hẹ” (cột cái) dưới gầm sàn, làm lễ rửa chân ở cầu thang trước khi đưa con dâu lên nhà.

2.2. Đánh trống chiêng trong các ngày vui khác

Khi mừng nhà mới, ngày tết, *xên mừng, xên bản...*, người ta đánh trống chiêng tương tự như trong đám cưới. Riêng điệu đánh trống chiêng khi uống

rượu cần (*ha công công kìn lau xà*) trong lễ mừng cơm mới có 1 trống và 3 chiêng (bỏ chiếc chiêng thứ nhất có âm *cùng*). Thứ tự gõ chiêng lúc này sẽ là các chiêng: 3 - 2 - 3 - 4. Người gõ chiêng và người gõ trống đều gõ 1 nhịp 2 lần và âm thanh của dàn chiêng trống như sau:

Coong - Kình - Coong - Toong
Coong - Kình - Coong - Toong
Tùng - Tùng - Tùng - Tùng

2.3. Đánh trống, chiêng trong đám ma (*ha công công đảm phỉ tải*)

Trong tang lễ của người Thái, tiếng trống chiêng nổi lên nhằm mục đích dẫn đường cho hồn người chết đi về với tổ tiên, báo hiệu cho “làng ma” biết gọi “ma” về. Âm thanh của chiêng là truyền tin giữa cõi sống và cõi chết. Khâm liệm người chết xong, đánh trống chiêng với hàm ý đuổi ma xấu, đón ma lành. Tiếng trống chiêng vừa là thiêng liêng, vừa là uy vũ và quyền lực đối với các thành viên của cộng đồng cả trong lúc sống lẫn khi từ giã cuộc đời.

Trong tang lễ của nhóm tự nhận là Tày Dọ, người ta đánh 1 trống và 3 chiêng (bỏ chiếc thứ 3 - âm *coong*). Khi gõ chiêng lúc này sẽ theo thứ tự: 1 - 2 - 4 và người gõ trống gõ 2 nhịp vào mặt trống (âm: *tùng tùng*) và 1 nhịp vào tang trống (âm: *cách*). Do trống và chiêng được gõ cùng nhịp nên khi nghe âm sẽ là:

Cùng - Kình - Toong
Tùng Tùng Cách

Trong tang lễ của nhóm tự nhận là Tày, người ta đánh 1 trống và 1 chiêng (chiếc thứ 4 - âm *toong*). Chiêng gõ trước 3 nhịp sau đó trống mới bắt đầu gõ và âm sẽ là:

Toong - Toong - Toong - Toong - Toong
Tùng - Tùng

Sau khi khâm liệm thi hài xong, người ta đánh 3 hồi chiêng dài không có trống để báo cho hồn người chết và tổ tiên, trời đất biết.

Ngoài ra, cả 2 nhóm Tày Dọ và Tày đều đánh trống chiêng khi thầy mo mời hồn người chết “ăn”, đưa hồn người chết đi đường hoặc đến “cổng trời” để hồn nhớ.

3. Đánh công đi săn (*ha công pay hom*)

Hình thức săn tập thể của người Thái khá phổ biến. Trước đây mỗi bản đều có nhiều vùng rừng để săn tập thể, gọi là *đon húa* (gò săn). Đó là một chỗ thuận lợi cho việc săn đuổi và hạ sát thú rừng, là nơi có nhiều cỏ cây, hoa quả để thú rừng lui tới kiếm ăn. Trong cuộc săn tập thể đó người ta chia làm 2 bộ phận: số đông (kể cả đàn bà và trẻ em) sẽ tham gia “đoàn chuyên đuổi” (*phủ tánh kê*), số ít hơn là những tay thiện xạ, khỏe mạnh sẽ ở trong “đoàn chuyên đón” (*phủ tánh lật*). Cả tập thể này thường suy tôn một người có kinh nghiệm săn, bản nhất làm chỉ huy chung gọi là *nai pán* (thầy săn). Đàn chó săn cũng được coi là thành phần của phường săn. Sau khi bố trí xong chỗ đón đầu, *nai pán* thổi *tút* (một loại tù và làm bằng sừng trâu hay ống nứa có loa là nửa quả bầu) để báo hiệu cuộc săn bắt đầu. “Đoàn chuyên đuổi” sẽ gõ mõ, thanh la âm ĩ và thả chó săn để đuổi thú. Lúc này, khí cụ không thể thiếu được là chiếc công. Công có cấu tạo như chiêng nhưng kích thước nhỏ hơn. Trong khi đi săn, *nai pán* dùng công để chỉ huy, thông báo hoặc truyền tin... Lúc này tiếng công vang lên một hồi dài với nhịp điệu khẩn trương, thôi thúc, sau đó là 3 hoặc 6 tiếng công thông thả để thông báo và “giữ liên lạc”. Khi đã phát hiện và truy đuổi thú thì tiếng công nối vào nhau liên tục với tiết tấu gấp, có khi

là 3 tiếng giật nhanh. Lúc đã hạ được con thú, tiếng công thông thả từng tiếng chậm rãi như sự nghỉ ngơi, xả hơi. Con thú săn được càng to, tiếng công càng dãn ra cho đến khi về đến bản. Nếu chẳng may sống mất con thú thì tiếng công chỉ là hiệu lệnh gọi chó săn về.

4. Đánh thanh la

Thanh la được chế tạo từ đồng đỏ hoặc đồng thau và có hình dáng gần giống chiêng nhưng không có núm. Mặt thanh la phẳng tròn, thành cao khoảng 1 cm (tuỳ loại lớn nhỏ) liền với đường viền của mặt phẳng. Về kích thước, loại thanh la to có đường kính khoảng 20 cm, loại vừa - khoảng 15 cm, loại nhỏ - khoảng 10 cm. Trên thành thanh la có 2 lỗ nhỏ để buộc dây. Dây được buộc ngắn để có thể áp lòng bàn tay vào phía sau của mặt thanh la để tạo âm ngắt, âm đục. Dùi gõ thanh la là một thanh gỗ hoặc tre tròn, nhỏ, dài khoảng 20 cm.

Thanh la là loại nhạc cụ không định âm. Đặc điểm chung của âm thanh la là tiếng cao lạnh lạnh, danh. Điểm định vị chính là đánh vào giữa của mặt thanh la, sẽ cho âm cao và thanh. Điểm định vị phụ là đánh vào điểm gần thành của thanh la, sẽ cho âm ngắt, thanh đục.

Có 2 cách đánh thanh la: Cách thứ nhất là đánh "buông": khi đánh, lòng bàn tay không áp vào mặt sau của thanh la, sẽ tạo ra âm vang, gọi là âm *cheng*. Cách thứ hai là khi đánh thì lòng bàn tay áp vào mặt sau của thanh la, sẽ tạo ra âm đục, ngắt cụt, không vang, gọi là âm *rạp*.

Thanh la có thể dùng để đi săn như công nhưng ít thông dụng vì âm không cao. Thông thường, Tào mừng dùng thanh la để gõ mỗi khi "thăng đường" tra xét hoặc phán xử để thị uy và tăng thêm

phần trang nghiêm. Trong đám ma, thầy mo cũng gõ thanh la để đưa hồn người chết mỗi khi "mo mời cơm" hoặc "mo đưa đường". Ngoài ra, thanh la còn được dùng trong các lễ cúng khác trong đời sống cộng đồng.

5. Đánh mõ

Trong cuộc sống của người Thái, mõ cũng là một công cụ truyền tin. Hầu hết các công việc của bản, của mừng đều được thông báo bằng mõ. Do thông dụng như vậy nên gia đình người Thái nào cũng có một chiếc mõ treo cạnh cầu thang lên xuống hoặc gần cửa của ngôi nhà sàn.

Mõ được làm bằng gỗ cây mít hoặc cây chò sen. Hai loại cây này làm mõ thì bền và khi đánh có âm vang xa. Đoạn gỗ làm mõ có chiều dài khoảng 70 - 100 cm, đường kính 20 - 25 cm là thích hợp nhất. Đoạn gỗ này được đẽo tròn, ở đầu trên được chia làm 3 phần và bỏ dọc một đoạn khoảng 10 - 15 cm, cắt bỏ 2 phần 2 bên, chỉ giữ lại phần gỗ ở giữa dày khoảng 3 - 5 cm để đục lỗ xỏ dây treo. Đoạn còn lại của thân mõ dài khoảng 60 - 80 cm, được đục một lỗ dài 50 - 70 cm, chiều ngang khoảng 3 - 4 cm dọc theo thân mõ. Người ta phải đục rộng vào phía trong lượn theo hình tròn của thân mõ để tạo thành một khối rỗng mới có thể tạo âm cho mõ.

Dùi mõ là một đoạn gỗ dài khoảng 30 cm, hình tròn, được làm bằng các loại gỗ cứng, dai như lim, sến, dổi găng... Sau khi đánh mõ xong người ta thường cất dùi vào "bụng" của mõ.

5.1. Đánh mõ trong đám ma (ha mō mí cōn tǎi)

Khi trong gia đình có người chết thì con cháu đánh một hồi mõ dài để thông báo cho anh em, họ hàng và khi đánh, không

được dùng dùi mõ mà phải bằng “sống” dao rựa. Độ dài ngắn của hồi mõ này là tùy thuộc vào người đánh mõ. Sau đó gia chủ dùng dùi đánh 3 hồi mõ để báo cho bà con cùng bản, cùng mường biết để đến chia buồn, phúng viếng và có thể giúp đỡ về vật chất để gia đình làm ma cho người quá cố. Lúc chuẩn bị đi chôn thì đánh 3 hồi 3 tiếng để báo cho “thần linh” và mọi người cùng biết.

5.2. Đánh mõ có việc gấp (ha mõ mí việc gấp)

Trong trường hợp khẩn cấp như lũ lụt, hoả hoạn...thì bất cứ ai cũng có thể đánh mõ báo động. Có thể đánh mõ nhà mình hoặc bất cứ nhà nào trong bản nơi gần sự việc xảy ra hoặc nơi mình đến được gần nhất. Nếu như báo động toàn bản thì đánh giạt từng hồi 3 tiếng. Tiếng mõ sẽ tạo thành một hiệu lệnh giục giã, dồn dập vừa kêu gọi, vừa hiệu triệu mọi người đến nơi xảy ra sự việc. Trong trường hợp cần báo động toàn xã, toàn mường thì đánh 3 hồi 9 tiếng mõ.

5.3. Đánh mõ hội họp, đi cấy, giới nghiêm

Hiệu lệnh mõ tùy thuộc vào quy định của từng bản, từng đội sản xuất. Tuy vậy, ở những nơi chúng tôi đến khảo sát đều đánh 1 hồi và sau đó là một số tiếng mõ. Số tiếng mõ này tùy thuộc vào số thứ tự của đội sản xuất. Ví dụ đội 1 đánh 1 hồi 1 tiếng mõ, đội 2 đánh 1 hồi 2 tiếng mõ...

5.4. Tiếng mõ trâu (khoọc quái)

Phương thức nuôi trâu truyền thống của người Thái là chăn thả tự nhiên. Đàn trâu không được chăn dắt, trông coi hàng ngày, không có chuồng trại riêng. Đàn trâu được thả rông trong rừng quanh năm và chỉ được tìm về trong mùa làm đất cấy

ruộng, khi cần vận chuyển, mua bán... Để dễ tìm, dễ nhận biết trâu của mình, người ta thường đeo mõ cho trâu. Chủ trâu nhận biết trâu của mình không chỉ thông qua các đặc điểm của trâu, mà còn qua dấu hiệu riêng được đánh dấu trên mõ.

Mõ trâu có nhiều loại: *mõ gốc tre*, *mõ luồng* được làm bằng một đốt sạt gốc của cây mét (luồng). Người ta đặt đốt mét nằm ngang, đục một lỗ rộng khoảng 3 - 4 cm dọc theo chiều dài của gốc mét để cho dùi mõ vào trong. Lấy 5 - 6 đoạn gỗ nhỏ dài khoảng 7 - 10 cm làm dùi, ở đầu trên của đoạn dùi này được khoan một lỗ nhỏ. Khoan 2 lỗ nhỏ ở 2 đầu mắt của đốt mét gần sát thành phía trên và luồn vào đầu một que luồng nhỏ như chiếc đũa để treo các dùi mõ. Ở 2 đầu mõ có “tai” để buộc dây đeo mõ vào cổ trâu. Khi trâu bước đi, mõ lúc lắc nên các dùi trong “bụng” mõ chạm vào thành mõ, phát ra tiếng kêu “cốc cốc”.

Mõ chuông (khoọc mông) cũng được làm từ một đốt sạt gốc của cây mét, nhưng chỉ có 2 dùi được treo dọc theo thân của mõ.

Mõ bằng ván gỗ (khoọc pen) có cấu tạo đơn giản. Người ta lấy 2 đoạn gỗ có tiết diện bằng nhau, đục lỗ ở một đầu và xâu dây đeo vào cổ trâu là thành chiếc mõ. Khi trâu bước đi, 2 mảnh gỗ này đập vào nhau phát ra tiếng kêu.

Luật tục của người Thái lại có điều khoản quy định về mõ trâu và phạt rất nặng nếu ai phạm tội ăn cắp mõ⁽²⁾. Theo quy định, nếu ai ăn cắp mõ tre (luồng) đeo ở cổ trâu, phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu; chủ mõ sẽ lấy con trâu của người ăn cắp. Ai ăn cắp mõ gỗ đeo ở cổ trâu, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu lợn; phải cúng vía cho chủ trâu 3 đồng cân

bạc; chủ mỗ cũng sẽ lấy con trâu của người ăn cắp.

6. Bắn súng (nhính khung)

Trong đời sống của người Thái, bắn súng để truyền tin chỉ được đồng bào sử dụng trong đám ma. Người Thái thường mua và trao đổi để lấy súng là chủ yếu. Loại súng cổ xưa có lẫy đập vào đá lửa để bén vào bùi nhùi; sau đó có loại súng được cải tiến, thay đá lửa và bùi nhùi bằng kíp nổ bén vào thuốc. Nguyên liệu để chế tạo thuốc súng là bột than xoan, than củi gỗ và một số cây thân mềm khác trộn với diêm tiêu.

Về kích thước, xin lấy ví dụ về số đo của súng nhà ông Hoàng Văn Am, xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân: súng dài 126 cm, báng gỗ dài 97 cm, rộng 11 cm, dày 4 cm; cối chứa kíp cao 1 cm, cần đập cao 8 cm; nòng súng (tính từ cối) dài 97 cm, đường kính 2 cm; cò súng dẹt, dài 3 cm và có một vòng sắt bao quanh; có 3 đai sắt cố định nòng súng vào báng súng; que sắt thông nòng dài 82 cm được gắn dọc theo nòng súng. Đạn súng đúc bằng chì, hình cầu dẹt. Khi bắn sẽ cho thuốc vào bọng chứa thuốc, sau đó mới lắp đạn vào nòng; kíp nổ nhét vào cối (cối thông với bọng chứa thuốc) và kéo cần đập về phía sau. Cần đập được nối với cò nên khi bóp cò thì cần đập sẽ đập vào vào cối tạo ra lửa cháy kíp; kíp và thuốc cháy nổ tạo ra áp lực đẩy viên đạn ra khỏi nòng.

Khi trong nhà có người chết, người con trai cả vác súng ra *hoóng quản* (cửa lên xuống) bắn báo tang. Xưa kia, tùy theo vị trí xã hội của người chết mà có số phát súng báo hiệu khác nhau: với dân thường là 3 phát, chức dịch - 7 phát và tạo mường - 12 phát. Trước khi khâm liệm người chết phải bắn 1 - 3 phát để đuổi ma quỷ. Đồng

bào quan niệm rằng nếu khi liệm mà không bắn súng thì ma quỷ sẽ theo chui vào quan tài của người chết, như vậy những người sống sẽ bị ốm đau, gia đình làm ăn chật vật. Đồng thời, bắn súng là “báo cáo” với trời đất biết con cháu đã khâm liệm người chết.

Trong quá trình làm ma, khi *khe mọng* (thông gia) đến viếng, lúc gần đến nhà thì bắn một phát súng để chào và báo hiệu cho gia đình người chết và cả người chết biết (!). Khi đó gia đình cũng bắn một phát súng để “đáp lễ” và cũng là lời chào *khe mọng* (hai bên bắn từ 1 - 3 phát súng). Khi đưa quan tài người chết ra khỏi nhà thì bắn 1 phát súng, hàm ý báo cho người chết biết họ đã được đưa ra khỏi nhà. Đưa quan tài ra khỏi nhà phải đặt xuống đất vài phút để buộc vào đòn khiêng. Lúc nhấc quan tài lên khiêng thì bắn 2 phát súng để báo cho người chết biết họ đã “bắt đầu lên đường”, đồng thời để đuổi ma quỷ có thể quấy rầy dọc đường đi. Khi đến nghĩa địa bắn 1 phát súng để báo cho thổ địa ở đó biết có người mới đến “nhập khẩu” và báo cho “những người đi trước” biết để đón “người đi sau”(!) Một điều đặc biệt là người Thái ở miền núi Thanh Hóa có tục lệ bắn súng trong đám ma bất kể người chết là đàn ông hay đàn bà, trong khi đó thì người Thái ở Tây Bắc chỉ bắn súng trong đám ma nếu người chết là đàn ông⁽³⁾.

7. Thổi khèn, sáo

7.1. Khèn bè

Khèn bè là một loại nhạc cụ hơi độc đáo, có từ lâu đời và được nam giới dùng phổ biến. Theo truyền thuyết của người Thái cho biết: ngày xưa có một em trai mồ côi cha mẹ từ nhỏ, em lang thang hết đời này đến núi nọ mà lòng thương nhớ cha mẹ vẫn không

ngôi, em thổi cây sáo nghe càng thêm buồn thắm.

Một hôm em đi qua khu rừng nứa, bỗng nghe vi vu tiếng trầm tiếng bổng hòa vào nhau nghe rất vui tai. Em tìm tới nơi có âm thanh đang phát ra, đó là những cây nứa bị chặt lâu ngày đã khô, âm thanh vi vu kia chính là tiếng gió thổi qua các ống nứa. Em chặt một bó ống nứa mang về, cắt các ống bằng nhau, khoét lỗ kết lại như kiểu kết bè. Khi em thổi lên thì âm cũng phát ra nhiều tiếng, nhưng các âm chỉ bằng nhau. Bực mình, em cầm dao phạt một nhát, sau đó thổi lại nghe có nhiều âm trầm bổng. Em phát hiện ra rằng ống nứa nào dài hơn thì âm phát ra trầm hơn, ống nứa càng ngắn thì âm càng cao. Thế là chiếc khèn bè có nhiều âm ra đời, nhưng còn giản đơn thô sơ. Sau đó, trải qua nhiều đời, người ta dựa vào các làn điệu *khắp* để cải tiến chiếc khèn bè như ngày nay.

Khèn bè Thái miền núi Thanh Hóa cũng giống khèn Thái Tây Bắc ở chỗ có 14 ống nứa kết lại thành 7 cặp, nhưng chỉ có 13 ống có nốt, 1 ống để nguyên không có nốt. Khèn Thái miền núi Bắc Trung Bộ dài hơn khèn Thái Tây Bắc, ống nứa dài nhất tới 1,5 mét, nên âm vực của khèn nghe trầm hơn.

Khèn được cấu tạo theo âm giai 6 âm, điệu thức “rê thiên nhiên”: Rê, mi, pha, sol, la, đô, rê.

- Cặp ống nứa dài nhất phát ra âm “rê” còn 1 ống để không.

- Cặp ống nứa thứ hai là 2 nốt “mi” cách quãng 8.

- Cặp ống nứa thứ ba là 2 nốt “pha” cách quãng 8.

- Cặp ống nứa thứ tư là 2 nốt “sol” cách quãng 8.

- Cặp ống nứa thứ năm là 2 nốt “la” cách quãng 8.

- Cặp ống nứa thứ sáu là 2 nốt “đô” cách quãng 8.

- Cặp ống nứa thứ bảy là 2 nốt “rê” đồng âm.

Trong diễn tấu, người ta thường dùng 2 nốt “rê” đồng âm bậc cao và nốt “la” bậc cao làm nốt “tenus”⁽⁴⁾.

Khèn Thái thuộc loại nhạc cụ đa âm và khó diễn tấu. Người chơi khèn phải có năng khiếu, phải học thầy khèn và dày công luyện tập. Bởi vậy, số người biết chơi khèn không nhiều, mỗi bản chỉ có khoảng chục người biết chơi khèn, số người biết chơi khèn như nghệ nhân rất ít. Nhưng thưởng thức khèn thì ai cũng ham thích, vì khèn gắn liền với những sinh hoạt văn hóa tinh thần của cộng đồng. Các cô gái càng đặc biệt say mê tiếng khèn vì khèn là phương tiện để các chàng trai tỏ tình rất tế nhị. Tục ngữ Thái có câu: *Mũi tên vênh vui lòng con sóc/Trai giỏi khèn thì gái dễ ưng* (*Pưn kho dinh hoóc, hoóc chôn mùa pa/Bao pau khèn muốn, lai xao mặc*). Hoặc trong lời khắp giao duyên có câu: *Khèn không nói nên lời, nhưng nghe tiếng khèn, em đã hiểu anh nói* (*Khèn bở bản, phằng xiêng khèn, noọng hụ ái*). Có thể nói khèn bè là sợi dây tơ hồng, là tiếng nói sâu sắc, tế nhị, đầm thắm trong giao duyên nam nữ.

Vào dịp mùa xuân hoặc mùa khô, sau khi thu hoạch mùa màng, các bản làng người Thái thường hay tổ chức các buổi uống rượu cần vui chung cả bản. Tiếng trống tiếng chiêng ngân vang nhịp nhàng, tiếng chày khua *luống* rộn ràng thổi thúc. Đó là tiếng nhạc báo hiệu có cuộc vui chung. Các chàng trai rủ nhau thành từng tốp, họ thổi điệu khèn *loóng xằm*, tức là

xuôi dòng, ý nói thuận buồm xuôi gió, chúng ta hãy cùng nhau đi chơi. Khi qua trước ngõ nhà cô gái thì chàng trai chuyển sang điệu khèn *xăm tó*, *xăm nửa*, tức là lạng trên xóm dưới, ý muốn nói: tôi đi tìm khắp chòm trên, xóm dưới mà người yêu tôi ở đâu mà tôi chưa tìm thấy?

Họ dừng lại trước nhà người yêu hoặc cô gái mà họ có chủ định sẽ tìm hiểu thì điệu khèn chuyển sang điệu *luống khoỏng*, tức là lang thang, ý nói tôi như con chim chưa tìm được nơi đậu! Khi nghe điệu khèn này, các cô gái hiểu ngay là chàng trai đang chờ mình và rủ mình đi chơi để cùng tâm tình. Trên đường đi họ vẫn tiếp tục thổi các điệu *loóng xằm*, *xăm tó*...Tới cuộc vui, khi tiếng trống chiêng nhẹ dần thì điệu khèn *lào thán* nổi lên với âm điệu trầm, tiết tấu khoan thai. Đây cũng là điệu khèn mời rượu người già. Khi các cụ đã ngà ngà say, các chàng trai chuyển sang điệu khèn *phênh phà đáu*, tức điệu khèn phá đám, giai điệu ngang tai, tiết tấu gấp gáp, điểm xuyết nghịch nhịp. Tới điệu khèn này thì các cụ già hiểu ngay là bọn trẻ muốn tâm tình riêng với nhau và lạng lẽ "rút lui". Lúc này cuộc vui chỉ còn lại các chàng trai, cô gái, họ chuyển sang điệu khèn *ngan chán* với nốt nhạc duyên dáng, dịu dàng. *Ngan chán* là điệu khèn dùng để đệm cho *khắp* nên khi nghe điệu khèn này các cô gái cất cao tiếng hát, cô gái nào ứng điệu khèn của chàng trai nào thì họ *khắp* theo tiếng khèn của chàng trai đó. Cuộc vui giao duyên cứ như vậy cho đến gần sáng thì tiếng khèn chuyển sang điệu *phênh ớt* rồi *mênh giang*. Khi tiếng khèn chuyển sang điệu *hấp lự* là lúc cuộc vui đã tới cao trào. Lúc chia tay nhau họ lại thổi điệu khèn *loóng xằm* như chúc nhau ra về thuận buồm, xuôi gió.

7.2. Sáo dọc (pi khúi)

Đây là một dạng sáo được người Thái dùng phổ biến. Sáo được làm bằng một ống nứa nhỏ dài khoảng 50 - 60 cm, để hở một đầu, đầu kia có mắt cách đầu sáo khoảng 5 - 6 cm. Ở mắt nứa của sáo được đục 2 lỗ nhỏ 2 bên để hút hơi, sau đó lấy lá cọ cuốn xung quanh gần kín một lỗ. Đây là bộ phận phát âm chính của sáo. Bộ phận định âm gồm 5 lỗ nhỏ với 4 lỗ được đục phía trên, 1 lỗ được đục phía dưới. Khi chơi, người ta ngậm đầu quán lá cọ của sáo để thổi, làm chuyển động không khí trong ống; các ngón tay sẽ đóng mở các lỗ sáo để tạo ra âm khác nhau. Sáo được dùng để đệm cho *khắp* và để gọi bạn tình trong đêm khuya thanh vắng. Có thể nói tiếng sáo là sự giục giã, giải bày tình cảm của người con trai với người yêu của mình. Âm thanh của sáo nghe réo rất như tiếng suối, rủ rủ như lời tâm sự và cũng tỏ ra hồi hộp, thấp thỏm khi mong chờ. Trong đêm khuya thanh vắng người con gái nghe âm thanh của sáo đã biết người yêu nói gì với mình nên không ngần ngại cùng đi tâm tình.

7.3. Kèn đăm ma (pi ệt phi)

Kèn được làm bằng một ống nứa nhỏ dài khoảng 50 cm. Một đầu của ống nứa được bịt kín và người ta dùng dao tách một lát mỏng phía trên để tạo ra "lưỡi gà". Cũng có thể gắn lưỡi gà bằng đồng làm bộ phận phát âm. Ở thân kèn được đục 8 lỗ với 7 lỗ phía trên và 1 lỗ phía dưới để định âm. Đầu kia của kèn được gắn một loa gỗ hoặc đồng hay nửa quả bầu khô để khuếch đại âm thanh. Khi thổi kèn, người ta ngậm đầu có lưỡi gà để thổi, không khí bên trong chuyển động sẽ tạo ra các âm khác nhau do các đầu ngón tay đóng mở các lỗ kèn.

Kèn được các ông mo (bà mo) thổi để đưa hồn người chết trong đám ma, âm thanh của kèn tha thiết, não nùng. Trong trường hợp gia đình có người ốm đau, bệnh tật mà mời thầy mo đến cúng thì họ cũng thổi kèn này với quan niệm để dẫn hồn bị lạc về với chủ.

8. Tiếng chuông

Chuông là một nhạc cụ được chế tạo từ đồng và có nhiều loại khác nhau. Loại chuông được sử dụng ở vùng Thái miền núi Thanh Hóa là chuông nhỏ, có chuỗi cầm gắn liền với chóp chuông. Trong lòng chuông có một quả đồng nhỏ bằng hòn bi có dây xuyên qua và buộc liền với phần sau của chóp chuông. Khi ta cầm chuỗi của chuông “lắc”, “rung” thì hòn bi sẽ đập vào thành chuông và tạo ra âm thanh nghe đanh, gọn, chắc. Chuông được các thầy mo sử dụng để đưa hồn người chết trong đám ma (*xã chuông ệt phi*). Tiếng chuông như một “hiệu lệnh” để liên lạc với thần linh, đưa ma đến, gọi ma về.

Đôi lời nhận xét

1. Người Thái ở Thanh Hoá cũng như nhiều tộc người khác đã sử dụng các dụng cụ, nhạc cụ phong phú để tạo âm thanh hay nhạc điệu nhằm truyền tải thông tin và biểu đạt tình cảm. Về phương diện nào đó có thể xem đây là một nguồn dữ liệu độc đáo để nghiên cứu lịch sử tộc người. Qua đó có thể thấy trình độ phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, luật tục, tư duy, thẩm mỹ... của mỗi nhóm cư dân.

2. Truyền đạt thông tin bằng cách sử dụng các tín hiệu âm thanh góp phần

quan trọng trong điều hành và duy trì các mối quan hệ xã hội. Cùng với ngôn ngữ và chữ viết, loại “ngôn ngữ đặc biệt” này là sợi dây cố kết con người với nhau, cá nhân với cộng đồng. Hơn nữa, con người còn dùng hệ thống này làm phương tiện giao tiếp với các lực lượng siêu nhiên, vô hình theo quan niệm của họ. Do vậy, nó được người Thái duy trì như một phương thức giao tiếp xã hội không thể thiếu được trong đời sống tộc người.

3. Giữ gìn và phát huy tính năng các loại nhạc cụ, khí cụ trong lễ hội, sinh hoạt văn hóa cộng đồng, tang ma... là góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tộc người. Do đó cần phải có biện pháp nghiên cứu và bảo tồn các phương thức sử dụng tín hiệu âm thanh cổ truyền để khía cạnh văn hoá này của tộc người không bị mai một trong thời đại mở cửa và giao lưu văn hóa với bên ngoài.

Chú thích

1. Lê Ngọc Canh - Tô Đông Hải. *Nhạc cụ gõ cổ truyền Việt Nam*, Viện Văn hóa dân gian, Hà Nội, 1989, tr 85.
2. Xem thêm: Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên). *Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr 309.
3. Xem thêm: Đặng Nghiêm Vạn (và tập thể). *Tìm hiểu văn hóa cổ truyền của người Thái Mai Châu*, Ủy ban nhân dân huyện Mai Châu, Sở văn hóa Thông tin Hà Sơn Bình, 1988, tr 93.
4. Văn Hoè. *Khèn Thái Thanh Hóa*, Báo Văn hóa thông tin Thanh Hóa, số 220, ngày 4 - 8 - 1994.